

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST
Ngày 02 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Phụng.

2- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ T Tòng, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 và ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn Vũ L**, sinh năm 1991; HKTT: Ấp A N, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp A N, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Công an viên bán chuyên trách; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V S và bà Lưu T M; có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh Văng Công T, sinh năm 19. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 00, ấp A B, xã H A Đ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

* **Người làm chứng:**

1. Chị Phạm Thị Bé S, sinh năm 19. (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 19. (Vắng mặt)

3. Chị Võ Thị Ph, sinh năm 19. (Vắng mặt)

4. Chị Hồ Thị Th, sinh năm 19. (Vắng mặt)
5. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 19. (Vắng mặt)
6. Ông Đoàn Thiện L, sinh năm 19. (Vắng mặt)
7. Anh Nguyễn Hoài T2, sinh năm 19. (Vắng mặt)
8. Anh Văng Công L, sinh năm 19. (Vắng mặt)
9. Anh Nguyễn Hiếu N, sinh năm 19. (Vắng mặt)
10. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 19. (Vắng mặt)
11. Chị Nguyễn Yên N, sinh năm 19. (Vắng mặt)
12. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 19. (Vắng mặt)
13. Bà Lưu Thị Mu, sinh năm 19. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/02/2022, Công an xã Hội An Đông nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc đánh bài phía sau nhà của bị hại Văng Công T ngụ ấp An Bình, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Phó trưởng Công an xã là anh T phân công anh M T và bị cáo Nguyễn Vũ L cùng tham gia triệt xóa tụ điểm đánh bài trên. Khi đến tụ điểm đánh bài, anh T và anh Th đi ra phía sau nhà, còn bị cáo L đi vòng ra phía sau để hỗ trợ bao vây. Khi phát hiện lực lượng Công an, những người tham gia đánh bạc bỏ chạy nên chỉ bắt được 04 người là bị hại T, anh Văng Công L, anh Trần T X, anh Nguyễn Hữu N và thu giữ tang vật 30.000 đồng và 01 bộ bài tây 52 lá. Trong lúc bị bắt quả tang, bị hại T có cất giấu tiền và 02 tờ vé số đài Hậu Giang, kỳ vé K2T4, số 696913, mở ngày 26/02/2022 ở dưới manh chiếu nơi bị hại T đang ngồi. Hai tờ vé số này, bị hại T mua khi đang chơi đánh bài của chị Võ Thị P nhà ở rạch Xẻo Sung thuộc xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Là người bán vé số), có đến nơi bị hại T đang ngồi đánh bạc, bán cho bị hại T 02 tờ vé số, đài Hậu Giang, số 696913, mở ngày 26/02/2022.

Sau khi kiểm tra xong, Công an xã Hội An Đông mời bị hại T và những người có liên quan lên trụ sở làm việc. Bị cáo L là người cuối cùng đi ra khỏi hiện trường, cuộn manh chiếu lại cầm trên tay mang ra khỏi hiện trường. Trên đường đi bị cáo L phát hiện hai tờ vé số trên đám cỏ, cách chỗ chiếu bạc khoảng 03 - 05 mét bị cáo L nhặt lên thấy vé số của bị hại T ngày 26/02/2022 nên lấy để vào túi quần rồi đi về trụ sở Công an xã Hội An Đông. Khi Công an xã Hội An Đông làm việc xong thì bị hại T đi về nhà tìm tiền và 02 tờ vé số dưới manh chiếu nơi bị hại T đã cất giấu nhưng không có. Đến khoảng 17 giờ ngày 26/02/2022, bị hại T nghe chị Nguyễn Thị A (Em dâu) nói chị Á trúng số đặc biệt mua của chị P nên bị hại T biết được 02 tờ vé số mà mua của chị P khi đang đánh bài đã trúng thưởng giải đặc biệt. Sau đó, bị hại T cùng vợ là bà Phạm Thị Bé S đến Công an xã Hội An Đông thấy bị cáo L ngồi trong cơ quan đang dò vé số. Bị hại T và vợ trực tiếp đến gặp bị cáo L hỏi xin lại 02 tờ vé số trúng giải

thường đặc biệt thì bị cáo L trả lời không có giữ 02 tờ vé số nên cùng vợ đi về. Một lúc sau, bị hại T và vợ tiếp tục đến trụ sở Công an xã Hội An Đông để gặp bị cáo L và anh T xin kiểm tra lại tang vật lúc bắt qua tang có hai tờ vé số của bị hại T không. Anh T cho bị hại T và vợ xem tang vật lúc bắt quả tang nhưng không có hai tờ vé số nên cùng vợ đi về nhà.

Đến khoảng 20 giờ ngày 26/02/2022, bị cáo L mới nhớ lại là hai tờ vé số nhất được khi đi triệt xóa tụ điểm đánh bài phía sau nhà bị hại T nên mở máy tính ra kiểm tra thì phát hiện trúng thưởng giải đặc biệt. Theo lời khai của bị cáo L: Khi phát hiện hai tờ vé số trúng thưởng giải đặc biệt, bị cáo L nghĩ hai tờ vé số này của bị hại T vì buổi chiều bị hại T cùng vợ có đến gặp bị cáo L để xin nhận lại hai tờ vé số nhưng bị cáo L vẫn cố tình không trả lại, không giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền mà chiếm giữ hai tờ vé số này.

Đến ngày 01/3/2022, bị hại T và vợ tiếp tục đến nhà của bị cáo L gặp cha của bị cáo L là ông Nguyễn Văn S và mẹ là bà Lưu Thị M để xin lại 02 tờ vé số nhưng cha và mẹ của bị cáo L trả lời không biết và hứa sẽ liên lạc với bị cáo L nếu có lấy 02 tờ vé số sẽ kêu bị cáo L trả lại. Ông S điện thoại hỏi bị cáo L có nhất vé số của bị hại T không, nếu có thì trả lại cho bị hại T nhưng bị cáo L nói không có nhất được, mặc dù lúc này bị cáo L đã biết hai tờ vé số mình nhất được đã trúng giải đặc biệt là của bị hại T nhưng khi ông Sơn hỏi và kêu trả thì bị cáo L không trả mà tiếp tục chiếm giữ hai tờ vé số này. Đến ngày 02/3/2022, bị hại T và vợ tiếp tục đến nhà bị cáo L gặp mẹ của bị cáo L là bà M trả lời không liên lạc được với bị cáo L nên bị hại T làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp trình báo sự việc.

Ngày 11/3/2022, bị cáo L nhờ anh Nguyễn Hoài V ngụ ấp Hưng Thành Tây, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp chở đi công chuyện, trên đường đi thì bị cáo L nói với anh V là đi đổi 02 tờ vé số trúng giải thưởng đặc biệt. Khi đến tiệm vàng ở thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Bị cáo L không nhớ tên), bị cáo L vào hỏi đổi số trúng thưởng thì tiệm vàng trả lời không đổi vé số và có giới thiệu cho bị cáo L đến gặp chị Nguyễn Thị Ngọc G trước đây là đại lý vé số ở gần đó. Bị cáo L và anh V đến gặp chị G. Chị G trả lời đã nghỉ làm đại lý vé số và dẫn bị cáo L đến tiệm vàng Hiệp Hưng (Do ông Đoàn Thiện L làm chủ) ở thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bị cáo L vào tiệm vàng Hiệp Hưng gặp anh Nguyễn Hoài T (Con rể ông L) trực tiếp đổi 02 tờ vé số trúng giải thưởng, bị cáo L nói đổi hai tờ vé số trúng thưởng nên anh T tin hai tờ vé số là của bị cáo L nên đồng ý cho đổi trúng thưởng. Hai tờ vé số bị cáo L đổi được tổng số tiền 3.572.000.000 đồng (Ba tỉ năm trăm bảy mươi hai triệu đồng). Do không đủ tiền mặt nên bị cáo L mua 14 lượng vàng loại vàng miếng SJC và 01 nhẫn vàng 24kara trọng lượng 01 lượng, tổng tiền mua vàng là 1.072.000.000 đồng và tiền mặt 2.500.000.000 đồng.

Cùng ngày 11/3/2022, anh Nguyễn Hoài T đến Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang đổi số trúng thưởng, nộp thuế thu nhập cá nhân 398.000.000 đồng, anh T nhận được 3.602.000.000 đồng từ việc đổi 02 tờ vé số trúng thưởng này.

Sau khi nhận tiền trúng thưởng, bị cáo L tặng cho anh V 01 chiếc nhẫn vàng 24k, anh V nghĩ do bị cáo L số trúng thưởng mà có nên lấy chiếc nhẫn mà không biết bị cáo L phạm tội mà có. Sau đó, bị cáo L gửi ông Nguyễn Văn U (Dượng của bị cáo L) gửi tiết kiệm 1.000.000.000 đồng giùm cho bị cáo L, khi gửi tiền bị cáo L nói với ông U, tiền này do trúng số; ông U nghĩ bị cáo L mua số trúng thưởng nên ông U tin mà không biết được do bị cáo L chiếm giữ trái phép tài sản của người khác mà có. Bị cáo L tiếp tục gửi chị Nguyễn Yến N (Em gái ruột) 1.000.000.000 đồng gửi tiết kiệm, khi gửi tiền chị N hỏi tiền đâu mà có thì bị cáo L không trả lời và căn dặn là không được nói cho ba mẹ nghe. Sau đó, chị N biết việc bị cáo L chiếm giữ trái phép hai tờ vé số nên đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra. Chị N không nghe bị cáo L nói trúng số nên không biết số tiền trên do bị cáo L phạm tội mà có. Bị cáo L tiếp tục dùng tiền trúng thưởng mua xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ, biển số 65B1-831.33 trị giá 40.000.000 đồng. Bị cáo L bán 14 lượng vàng miếng được 1.042.000.000 đồng, so với lúc mua vàng thì bị lỗ 30.000.000 đồng. Bị cáo L tiêu xài cá nhân 48.500.000 đồng, còn lại 1.453.500.000 đồng cất giữ tại trụ sở Công an xã Hội An Đông. Theo lời khai của bị cáo L: Do bị cáo L giữ tiền mặt nhiều nên sợ bị mất, hơn nữa hai tờ vé số này do bị cáo L chiếm giữ trái phép mà có nên bị cáo L không dám trực tiếp đến gửi tiết kiệm tại Ngân hàng vì sợ khi giao với Ngân hàng thì thông tin cá nhân cũng như lai lịch của bị cáo L sẽ bị phát hiện nên bị cáo L nhờ ông U và chị N gửi tiền giùm cho mình.

Ngày 12/4/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Vò yêu cầu Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết tỉnh Hậu Giang cung cấp thông tin những người đã lãnh trúng thưởng giải đặc biệt do Công ty xổ số tỉnh Hậu Giang, mở thưởng ngày 26/02/2022, loại K4T2, có dãy số 696913. Sau đó, Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết tỉnh Hậu Giang cung cấp danh sách khách hàng đã lãnh thưởng, trong đó có anh Nguyễn Hoài T cùng các thủ tục lãnh thưởng 02 tờ vé số của anh T ngày 11/3/2022.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của:

- Anh Nguyễn Hoài T hai hình ảnh chụp trên điện thoại của Samsung Galaxy Note 10+ có nội dung: Hình chụp mặt trước và mặt sau giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Nguyễn Vũ L khi đổi 02 tờ vé số trúng thưởng tại tiệm vàng Hiệp Hưng được niêm phong theo quy định.

- Anh Nguyễn Hoài V một xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ, biển số 65B1-831.33, số khung 110NRJ212097, số máy E107ID212267; một giấy đăng kí xe số 016273 tên Lê T N và số tiền 54.500.000 đồng.

- Chị Nguyễn Yến N số tiền 1.000.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn U số tiền 1.000.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Vũ L một điện thoại di động Nokia 6300, màu vàng; một Iphone 5, màu trắng; số tiền 1.400.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho:

- Bị hại Văng Công T: Số tiền 3.454.500.000 đồng; một xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ, biển số 65B1-831.33, số khung 110NRJ212097, số máy E107ID212267; một giấy đăng kí xe số 016273 tên Lê T N.

- Bị cáo Nguyễn Vũ L một điện thoại di động Nokia 6300, màu vàng (Có sim số 0939176635); một Iphone 5 màu trắng (Không có sim).

Tại Bản Cáo trạng số 36/CT-VKSLVo ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát huyện Lấp Vò, đã truy tố bị cáo L về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 2 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Lấp Vò thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 176 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 176, Điều 65, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ L từ 02 (Hai) đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 (Bốn) đến 05 (Năm) năm.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hiện đã trả lại tài sản cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 DVD nội dung hỏi cung bị cáo và 01 DVD nội dung hình ảnh chụp mặt trước và mặt sau giấy chứng minh nhân dân của bị cáo L khi đổi 02 tờ vé số trúng thưởng tại tiệm vàng Hiệp Hưng.

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Vũ L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố và tại phần tranh luận bị cáo cũng không phát biểu tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lấp Vò, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Lấp Vò, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Vũ L thừa nhận: Vào ngày 26 tháng 02 năm 2022, bị hại T bị Công an xã Hội An Đông bắt quả tang đánh bạc thì bị hại T giấu tiền và hai tờ vé số đài Hậu Giang, số 696913, mở cùng ngày dưới manh chiếu nơi đánh bạc. Sau khi kiểm tra xong, Công an xã Hội An Đông mời bị hại T và những người có liên quan về trụ sở làm việc. Bị cáo L cuộn manh chiếu lại cầm trên tay, trên đường đi bị cáo L phát hiện hai tờ vé số trên đám cỏ gần chỗ đánh bài nên bị cáo L nhặt để vào túi quần rồi đi về trụ sở Công an xã Hội An Đông. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo L kiểm tra kết quả xổ số biết được 02 tờ vé số nhật được trúng giải thưởng đặc biệt. Bị hại T là chủ sở hữu hai tờ vé số trên, đã hai lần yêu cầu bị cáo L và hai lần đến nhà tìm bị cáo L để nhận lại hai tờ vé số đã trúng giải đặc biệt nhưng do lòng tham nên bị cáo L không trả lại cho bị hại T mà đi đổi hai tờ vé số trúng thưởng với số tiền 3.572.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân. Cho đến khi bị hại T làm đơn tố cáo đến Công an tỉnh Đồng Tháp thì bị cáo L mới khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Lấp Vò truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 2 Điều 176 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 176 của Bộ luật hình sự như sau:

Tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật bị giao nhằm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội chiếm giữ tài sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên hoặc bảo vật quốc gia, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

[4] Bị cáo L là người đã thành niên, nhận thức được hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Năm 2019, bị cáo được Giám đốc Công an tỉnh công nhận danh hiệu: “Chiến sỹ tiên tiến”; bà ngoại bị cáo là cụ Lê Thị C được Hội đồng Bộ trưởng tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, có xác nhận của chính quyền địa phương gia đình

bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo L được Giám đốc Công an tỉnh Đồng Tháp tặng danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến” là chưa phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, việc chiếm giữ trái phép tài sản nảy sinh ý định do nhất thời, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, để bị cáo L thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại tài sản cho bị hại và tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo L bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 DVD nội dung hỏi cung bị cáo và 01 DVD nội dung hình ảnh chụp mặt trước và mặt sau giấy chứng minh nhân dân của bị cáo L khi đổi 02 tờ vé số trúng thưởng tại tiệm vàng Hiệp Hưng.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Yến N, anh Nguyễn Hoài V được bị cáo L đưa cho ông U gửi tiết kiệm 1.000.000.000 đồng, chị N gửi tiết kiệm 1.000.000.000 đồng tại các Ngân hàng, tặng cho anh V 01 nhẫn vàng 24kara, trọng lượng 01 lượng và gửi anh V một xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ, biển số 65B1-831.33. Tuy nhiên, ông U, chị N, anh V không biết số tiền, vàng, xe mô tô trên là do bị cáo L phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông U, chị N và anh V.

[10] Đối với ông L là chủ tiệm vàng Hiệp Hưng đổi số trúng thưởng, khi đổi thì bị cáo L nói trúng giải đặc biệt đến đổi, không biết bị cáo L phạm tội mà có nên không xem xét xử lý hình sự đối với ông L.

[11] Đối với anh Nguyễn Hoài T là con rể ông Luân đến Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang đổi số trúng thưởng, nộp thuế thu nhập cá nhân 398.000.000 đồng, anh T nhận được 3.602.000.000 đồng từ việc đổi 02 tờ vé số trúng thưởng, không biết bị cáo L phạm tội mà có nên không xem xét xử lý hình sự đối với anh T.

[12] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tội danh và điều khoản của tội danh, về trách nhiệm dân sự và về xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 176; Điều 65; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

1.2. Xử phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 02/12/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Vũ L cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 DVD nội dung hỏi cung bị cáo và 01 DVD nội dung hình ảnh chụp mặt trước và mặt sau giấy chứng minh nhân dân của bị cáo L khi đổi 02 tờ vé số trúng thưởng tại tiệm vàng Hiệp Hưng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Vũ L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Vũ L và bị hại Văng Công T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)****Trần Hữu Phước**